

Số: /BC-UBND

Kim Phượng, ngày 14 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2025

Căn cứ Công văn số 807/UBND-TTPVHCC ngày 07/3/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện báo cáo CCHC theo Thông tư số 07/2021/TTBNV; Công văn số 381/SNV-CCHC ngày 09/3/2022 Sở Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo công tác CCHC.

UBND xã Kim Phượng báo cáo kết quả thực hiện công tác Cải cách hành chính quý I năm 2025 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

1. Xây dựng triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các văn bản chỉ đạo sau:

Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 07/01/2025 của UBND xã về việc cải cách hành chính năm 2025;

Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 13/01/2025 của UBND xã về việc tuyên truyền cải cách hành chính xã Kim Phượng năm 2025;

Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 13/01/2025 của UBND xã về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Ủy ban nhân dân xã Kim Phượng năm 2025;

Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 18/02/2025 của UBND xã về việc thực hiện phong trào thi đua “Chung tay Cải cách hành chính” xã Kim Phượng năm 2025;

Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND xã về việc Về việc phê duyệt danh sách cán bộ, công chức được cử đến làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND xã Kim Phượng;

Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 13/3/2025 của UBND xã về việc kiện toàn Ban chỉ đạo và tổ giúp việc thực hiện cải cách hành chính; cải cách thủ tục hành chính gắn với ứng dụng công nghệ thông tin xã Kim Phượng, giai đoạn 2021-2025;

Ngay sau khi ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 UBND xã đã tiến hành lồng ghép các nội dung của cải cách hành chính trong mọi hoạt động, công tác của cán bộ, công chức trong cơ quan. Quán triệt sâu rộng tinh thần đẩy

manh cải cách mọi thủ tục hành chính, đảm bảo giải quyết nhanh gọn, tránh gây phiền hà cho tổ chức, các nhân khi đến giao dịch.

- Cùng với đó phát động phong trào thi đua yêu nước và các hình thức khen thưởng gắn liền với cải cách hành chính.

- Công tác tuyên truyền CCHC được thực hiện thường xuyên trên các hội nghị, các buổi sinh hoạt đoàn, hội và trên các cụm loa tại các xóm.

- Việc xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã được thực hiện đúng theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Thực hiện chỉ đạo của UBND huyện, Phòng Nội vụ huyện về công tác cải cách hành chính. UBND xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các nội dung đã đề ra tại Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của xã đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ, gắn với thực hiện Nghị quyết của BCH Đảng ủy xã về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị năm 2025.

Để duy trì và cải thiện nâng cao chỉ số CCHC, UBND xã lồng ghép triển khai nhiệm vụ công tác cải cách hành chính qua các phiên họp thường kỳ, sau mỗi phiên họp đều có văn bản kết luận, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức để triển khai thực hiện.

3. Công tác kiểm tra cải cách hành chính

Xã thực hiện kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính đối với cán bộ, công chức xã. UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 21/01/2025 của UBND xã về kiểm tra công vụ; kiểm tra công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công; kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng xã Kim Phụng năm 2025.

UBND xã đã ban hành Quyết định 33/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 về việc thành lập đoàn kiểm tra và tổ kiểm tra đột xuất công tác CCHC; kiểm tra công vụ, kiểm tra công tác thi đua – khen thưởng năm 2025.

4. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Để triển khai các nội dung theo Kế hoạch CCHC năm 2025, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 13/01/2025 về tuyên truyền CCHC xã Kim Phụng năm 2025.

UBND xã đã nghiêm túc thực hiện việc công tác tuyên truyền sâu rộng, bằng nhiều hình thức đến cán bộ, công chức, người lao động và nhân dân về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, của Huyện ủy, UBND huyện, UBND xã về công tác CCHC.

UBND xã đã thực hiện tốt việc quản lý, vận hành trang thông tin điện tử xã, cập nhật số liệu hồ sơ trước hạn, đúng hạn 100% hồ sơ; 253 văn bản được trao đổi qua mạng; đăng tải 165 tin, bài; thông tin tuyên truyền về các hoạt động của xã.

5. Việc thực hiện các nhiệm vụ được UBND, Chủ tịch UBND huyện giao

Số nhiệm vụ do UBND huyện, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND huyện giao cho gồm 12 nhiệm vụ, trong đó tổng số nhiệm vụ giao thực hiện hoàn thành trong hạn là 6 nhiệm vụ, tổng số nhiệm vụ giao đang thực hiện thường xuyên: 6 nhiệm vụ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện đúng theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- Để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 24/01/2025 của UBND xã về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025

- Rà soát văn bản quy phạm pháp luật UBND, HĐND xã Kim Phượng trong năm 2025 xã không ban hành văn bản QPPL nào.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC).

2.1. Về rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 05/01/2025 của UBND xã về việc Kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính xã Kim Phượng năm 2025;

Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 24/01/2025 của UBND xã về việc Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn xã Kim Phượng.

Tổng số TTHC đưa ra để rà soát, đánh giá cắt giảm thời gian giải quyết là 46 TTHC.

2.2. Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết

Tính đến thời điểm báo cáo, số TTHC thuộc thẩm quyền UBND xã thực hiện niêm yết gồm: 12 lĩnh vực ngành, 126 thủ tục, trong đó 83 thủ tục hành chính dịch vụ công toàn trình; TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông: 4 thủ tục; Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc thực hiện tại UBND xã: 39 TTHC.

UBND xã đã thực hiện nghiêm túc việc công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định. Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã công khai trên bảng niêm yết.

2.3. Kết quả việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Bộ phận Một cửa UBND xã thực hiện nghiêm túc, đúng quy định các nhiệm vụ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP; Kế hoạch kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2025.

** Tình hình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông*

Xã đã nghiêm túc triển khai thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; thực hiện đưa 100% TTHC ngành dọc ra tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa UBND xã theo đúng danh mục TTHC được quy định của Thủ tướng Chính phủ;

2.4. Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa

Bộ phận Một cửa UBND xã có tổng 09 cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

Về cơ sở vật chất, đã trang bị 06 Bộ máy vi tính và 06 máy in, 01 máy scan phục vụ công tác chuyên môn.

2.5. Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC

Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả như sau:

Tổng số hồ sơ đã số hóa: 385/385 hồ sơ đạt 100%

2.6. Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC

Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó:

- Tổng số hồ sơ 405 hồ sơ;
- Số mới tiếp nhận trong kỳ: 397 hồ sơ; (trực tuyến: 397 hồ sơ; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 0 hồ sơ)
- Số từ kỳ trước chuyển qua: 01 hồ sơ
- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 398 hồ sơ; trong đó, giải quyết trước hạn: 185 hồ sơ, đúng hạn: 213 hồ sơ, quá hạn: 0 hồ sơ.
- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 07 hồ sơ; trong đó, trong hạn: 07 hồ sơ, quá hạn: không có.

- Việc thực hiện vận hành Công dịch vụ công hiện nay UBND xã đang duy trì thực hiện tốt hồ sơ được trả trước hạn và đúng hạn, không có hồ sơ quá hạn trên phần mềm một cửa.

- Cán bộ, công chức được phân công làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tận tình, đúng mực không có cán bộ, công chức vi phạm bị kỷ luật, xử lý.

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của công chức xã hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao.

2.7. Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị.

Địa chỉ, số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị; số điện thoại Trường bộ phận Một cửa xã được niêm yết công khai tại Bộ phận Một cửa.

Địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (địa chỉ website: <http://nguoidan.chinhphu.vn> và <http://doanhnghiep.chinhphu.vn>) theo hướng dẫn tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính đều được niêm yết công khai tại Bộ phận Một cửa cấp xã, Trang thông tin điện tử của xã theo quy định.

Thực hiện thông báo công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/guipakn>, cơ quan Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên, địa chỉ liên hệ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Số điện thoại chuyên dùng: 02083.854636; Số fax: 02083.855385. Địa chỉ thư điện tử: kstthc.ubnd@thainguyen.gov.vn.

Trong kỳ báo cáo UBND xã không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- UBND xã đã thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn biên chế và hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Hiện nay tổng số cán bộ, công chức xã là 17 cán bộ, công chức. Trong đó trình độ đại học 16 người, cao đẳng 01 người. UBND xã sắp xếp đúng các vị trí chức danh của cán bộ, công chức;

- Hồ sơ cán bộ, công chức được bảo quản đầy đủ về thành phần hồ sơ và sắp xếp đúng thứ tự từng loại.

- Trong kỳ báo cáo xã không có cán bộ, công chức bị kỷ luật, khiển trách. UBND xã đã cử các cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức của cấp trên.

4. Cải cách công vụ

- Để thực hiện tốt lý luật, kỷ cương hành chính công vụ trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức xã đã ban hành Quyết định số 270/QĐ-UBND

ngày 02/8/2021 của UBND xã về ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã Kim Phượng nhiệm kỳ 2021-2026.

5. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả theo Luật ngân sách nhà nước 2015, Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Ngay từ đầu năm UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 13/01/2025 của UBND xã về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Ủy ban nhân dân xã Kim Phượng năm 2025;

Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 13/02/2025 của UBND xã về thực hiện Chương trình Chuyển đổi số xã Kim Phượng năm 2025.

Ngay từ đầu năm UBND xã đã ban hành kế hoạch CCHC năm 2025. Sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý văn bản và trao đổi ện tử trong cơ quan hành chính và thực hiện ký số trên ện tử liên thông trong hoạt động ban hành văn bản theo quy định đạt 100%. 100% lãnh đạo sử dụng chữ ký số để ký văn bản. Tỷ lệ máy tính cho cán bộ, công chức đạt 100%, 100% cán bộ, công chức sử dụng thường xuyên, thành thạo phần mềm QLVB&HTĐT.

Tăng cường sử dụng hòm thư điện tử của tỉnh thường xuyên trong hoạt động trao đổi văn bản của các bộ phận và gửi văn bản liên thông, , đến được số hóa đạt 100% qua mạng Internet qua QLVB&HTĐH, thực hiện tạo lập 100% hồ sơ công việc điện tử, lập lịch công tác lãnh đạo trên QLVB&HTĐH. 100% TTHC được áp dụng phần mềm một cửa để giải quyết. TTHC Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Trên trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin lãnh đạo theo Nghị định 34/2011/NĐ-CP, cung cấp thông tin theo Luật phòng chống tham nhũng và luật tiếp cận thông tin.

Áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan: UBND xã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO và áp dụng 100% TTHC theo quy trình ISO Thường xuyên duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại UBND xã, gắn với Bộ TTHC thực hiện tại UBND xã.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Công tác CCHC tiếp tục được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp quan tâm, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc và luôn xác định cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung chỉ đạo điều hành xuyên suốt trong năm.

Nhìn chung công tác cải cách hành chính được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo nên đơn vị xã Kim Phượng đã triển khai thực hiện CCHC đồng bộ trên tất cả các nội dung cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức. Nâng cao được ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ công chức. Phát huy hiệu quả quản lý nhà nước.

Triển khai tốt quy định của Chính phủ về thực hiện giải quyết các TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP. Bộ phận một cửa các cấp đi vào hoạt động hiệu quả, tạo chuyên biến mạnh mẽ trong việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phục vụ người dân, doanh nghiệp trên nền tảng, phương tiện hiện đại, góp phần tích cực xây dựng chính quyền điện tử, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Do nhận thức về CCHC, ứng dụng công nghệ thông tin của người dân còn chưa đồng đều nên CCHC ở địa phương chưa đạt mục tiêu đề ra. Việc hướng dẫn cho người dân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến còn gặp nhiều khó khăn

Khắc phục: Tăng cường tuyên truyền về CCHC đến công dân

Công tác tuyên truyền về CCHC được thực hiện thường xuyên nhưng do một số người dân đi làm ăn xa nên hiệu quả công tác tuyên truyền chưa cao.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG TÂM THỜI GIAN TỚI

- Tăng cường tuyên truyền, tạo tài khoản, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua Dịch vụ công trực tuyến. Tiếp tục giải quyết hồ sơ TTHC của tổ chức và cá nhân theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông trước và đúng hạn; Thực hiện tốt việc áp dụng phần mềm Dịch vụ công Quốc gia.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác Cải cách hành chính quý I năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Kim Phượng./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Định Hoá;
- Phòng Nội vụ;
- TT ĐU, HĐND, UBND xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Anh Tú

PHỤ LỤC
THỐNG KÊ SỐ LIỆU KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2025 của Ủy ban nhân dân xã Kim Phụng)

STT	Các chỉ tiêu	Kết quả		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng , 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC			
1.1.	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
Trong đó	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	12	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	6	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.2.1.	Tỷ lệ phòng chuyên môn, đơn vị thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện đã kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%		
1.2.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%	0	
1.2.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%	0	
Trong đó	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND huyện, UBND huyện giao		7	
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	7	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	7	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức		25	
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	25	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0	1	

		Phát phiếu = 1		
		Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0	1	
		Có = 1		
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện đã ban hành (cấp xã)	Văn bản	0	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	-	-	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Tỷ lệ xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát	%	0	
Trong đó	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC		126	
3.1.1.	Số TTHC công bố mới thuộc thẩm quyền	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	0	
Trong đó	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	126	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công (DVC)			
3.2.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	111	
Trong đó	Tổng số TTHC đủ điều kiện	Thủ tục	111	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	111	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
3.2.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	78	
Trong đó	Tổng số TTHC đủ điều kiện	Thủ tục	78	

	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	78	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	25	
3.2.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	178	
Trong đó	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4	Thủ tục	178	
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai	Thủ tục	178	
3.2.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4	%	100	
	(Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)			
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	405	
	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	405	
3.2.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
Trong đó	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	Thủ tục	8	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	Thủ tục	8	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	2	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	2	
3.3.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	100	
3.3.4.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.5.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	

Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	405	
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	405	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
4.1.5.	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện đã cắt giảm so với năm 2015	%		
Trong đó	Tổng số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	Đơn vị		
	Số đơn vị sự nghiệp tại thời điểm báo cáo	Đơn vị		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	36	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	17	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			

5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
5.3.	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển.	Người		
5.4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).	Người		
Trong đó	Số lãnh đạo UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSN bị kỷ luật.	Người		
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		

Trong đó	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
	Đã thực hiện	Triệu đồng		
6.2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
6.2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
6.2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
6.2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
Trong đó	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
6.2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0		
		Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến	Chưa có = 0		
	Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện	2 cấp = 1		
	Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã	3 cấp = 2	2	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Chưa = 0		
		Đang làm = 1		
		Hoàn thành = 2	2	
7.4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0		
		Đang làm = 1	1	

		Hoàn thành = 2		
7.5.	Số liệu về trao đổi ện tử			
7.5.1.	Tỷ lệ thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý điều hành từ cấp huyện đến cấp xã	%	100	
7.5.2.	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn dưới dạng điện tử	Văn bản	253	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	0	
7.6.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.6.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.6.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	